

MÃ ĐỀ: 132

Câu 1: Tinh bột và saccarozơ đều không thuộc loại:

- A. cacbohyđrat B. đisaccarit. C. polisaccarit. D. monosaccarit.

Câu 2: X có công thức phân tử là $C_4H_8O_2$, khi cho 4,4 gam X tác dụng vừa đủ với dd NaOH thu được 4,1 gam muối Y. X có công thức cấu tạo:

- A. $CH_3CH_2COOCH_3$. B. $HCOOC_3H_7$ C. $CH_3COOCH_2CH_3$ D. $CH_3CH_2CH_2COOH$.

Câu 3: Cho dãy các chất sau: CH_3COOCH_3 , C_2H_5OH , H_2NCH_2COOH , CH_3NH_2 . Số chất trong dãy phản ứng với dung dịch NaOH là:

- A. 1 B. 2 C. 4 D. 3

Câu 4: Este A có CTPT là $C_4H_8O_2$. Số CTCT (đồng phân) của este là:

- A. 1 B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 5: Dãy chất nào sau đây đều tác dụng với dung dịch HCl (các điều kiện phản ứng đầy đủ)

- A. C_2H_5OH , NH_3 , CH_3COOH , NH_2CH_2COOH , glucozơ
B. C_2H_5OH , NH_3 , NaOH, NH_2CH_2COOH , glucozơ
C. C_2H_5OH , NH_3 , $C_6H_5NH_2$, NH_2CH_2COOH , glucozơ
D. C_2H_5OH , NH_3 , $C_6H_5NH_2$, NH_2CH_2COOH

Câu 6: Glucozơ không có tính chất nào dưới đây?

- A. tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$, t° B. tham gia phản ứng thủy phân
C. tác dụng với H_2 (xt: Ni, t°) D. tính chất của polioliol

Câu 7: Đốt cháy hoàn toàn 0,01 mol một chất hữu cơ X thu được 5,28 gam CO_2 và 1,98 gam H_2O . Biết rằng, tỉ lệ khối lượng H và O trong X là 0,125: 1,000. X là cacbohiđrat và không có phản ứng tráng bạc. Tên gọi của X là

- A. glucozơ B. mantozơ C. tinh bột D. saccarozơ

Câu 8: Xà phòng hoá 7,4g este CH_3COOCH_3 bằng dung dịch NaOH. Khối lượng muối thu được là:

- A. 32,0g. B. 8,0g. C. 8,2 g. D. 16,0g.

Câu 9: Thuốc thử dùng để phân biệt Gly-Ala-Gly và Gly-Ala là:

- A. dung dịch NaCl B. dung dịch NaOH
C. dung dịch HCl D. $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm

Câu 10: Dãy nào gồm các chất tác dụng được với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ ($[Ag(NH_3)_2]OH$)

- A. glucozơ, tinh bột, andehit axetic, saccarozơ B. axetilen, andehit axetic, glucozơ, fuctozơ
C. andehit axetic, glucozơ, etyl axetat, fuctozơ D. glucozơ, xenlulozơ, etyl axetat, andehit axetic

Câu 11: Khí cacbonic chiếm 0,03% thể tích không khí. Muốn tạo ra 500 gam tinh bột thì thể tích không khí (lít) (đktc) cần dùng để cung cấp CO_2 cho phản ứng quang hợp gần với giá trị nào nhất?

- A. 1382716 B. 1402666 C. 1682600 D. 1682716

Câu 12: Số đồng phân bậc hai ứng với công thức phân tử C_3H_9N

- A. 4 B. 2 C. 3 D. 1

Câu 13: Một chất khi thủy phân trong môi trường axit, đun nóng không tạo ra glucozơ. Chất đó là

- A. xenlulozơ B. tinh bột C. saccarozơ D. protein

Câu 14: Cho m gam glucozơ lên men thành ancol etylic với hiệu suất 80%. Hấp thụ hoàn toàn khí CO_2 sinh ra vào nước vôi trong dư thu được 22 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 49,50 B. 24,75 C. 27,45 D. 25,74

Câu 15: Lực bazơ của các chất được sắp xếp theo chiều giảm dần là:

- A. $NaOH > CH_3NH_2 > C_6H_5NH_2 > NH_3$ B. $NaOH > C_6H_5NH_2 > NH_3 > CH_3NH_2$.
C. $NaOH > CH_3NH_2 > NH_3 > C_6H_5NH_2$. D. $NaOH > NH_3 > CH_3NH_2 > C_6H_5NH_2$

Câu 16: Để phản ứng hoàn toàn với dung dịch chứa 3,75 gam glyxin cần vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của V là

- A. 200 B. 150 C. 50 D. 100

Câu 17: Số đồng phân α -aminoaxit một ứng với công thức phân tử $C_4H_9O_2N$ là
A. 3 B. 4 C. 2 D. 6

Câu 18: Tơ nylon- 6,6 được tạo ra từ polime :
A. Poli(hexametylen adipamit)
B. Hexacloxiclohexan
C. Policaproamit
D. Polieste của axit adipic và etylen glicol

Câu 19: Đốt cháy hoàn toàn một đồng đẳng (X) của glyxin trong O_2 (dư) thu được $nCO_2 : nH_2O$ là 6:7 (phản ứng cháy sinh ra khí N_2). X tạo được với glyxin một dipeptit. Công thức cấu tạo của X là
A. $C_6H_5-NH_2$
B. $NH_2-CH_2-CH_2-COOH$
C. $CH_3-CH(NH_2)COOH$ hoặc $NH_2-CH_2-CH_2-COOH$
D. $CH_3-CH(NH_2)COOH$

Câu 20: Trong công nghiệp để chuyển hóa chất béo lỏng (dầu) thành mỡ rắn thuận tiện cho việc vận chuyển hoặc thành bơ nhân tạo và để sản xuất xà phòng ta dùng phản ứng:
A. Phản ứng oxi – hóa khử
B. Phản ứng cộng hiđro của chất béo lỏng
C. Phản ứng xà phòng hóa
D. Phản ứng thủy phân

Câu 21: Sản phẩm thủy phân este no đơn chức, mạch hở trong dung dịch kiềm là hỗn hợp
A. ancol và muối B. muối và nước. C. ancol và axit. D. axit và nước.

Câu 22: Da nhân tạo (PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên (CH_4). Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC cần một thể tích metan (đktc) là
A. 3584 m^3 B. 3560 m^3 C. 3500 m^3 D. 5500 m^3

Câu 23: Thủy phân 486 gam tinh bột với hiệu suất 80%, khối lượng glucozơ thu được là
A. 540 gam B. 432 gam C. 360 gam D. 540 gam

Câu 24: Dãy gồm các chất và vật liệu dễ bị thủy phân trong dung dịch axit hoặc dung dịch kiềm là
A. len, tơ tằm, tơ nylon-6,6 B. polietilen, polistiren, poli(metyl metacrylat)
C. tefol, len, polietilen D. cao su buna, cao su isopren, cao su thiên nhiên

Câu 25: Protein phản ứng với $Cu(OH)_2/OH^-$ tạo sản phẩm có màu đặc trưng là
A. màu đỏ B. màu da cam C. màu vàng D. màu tím

Câu 26: Poli(vinyl clorua) được điều chế từ vinyl clorua bằng phản ứng
A. trao đổi B. oxi hóa – khử C. trùng hợp D. trùng ngưng

Câu 27: Dãy chất thuộc loại polime thiên nhiên là
A. tinh bột, xenlulozơ, tơ tằm . B. nylon 6,6 ,tơ tằm, polistiren .
C. nylon 6, poli etylen, xenlulozơ. D. Tơ nitron, poli axetat, tinh bột

Câu 28: Khối lượng trung bình của xenlulozơ trong sợi bông là 4.860.000u. Số gốc glucozơ có trong loại xenlulozơ nêu trên là
A. 25.000 B. 30.000 C. 28.000 D. 35.000

Câu 29: Đặc điểm của phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là
A. phản ứng cho nhận electron B. phản ứng thuận nghịch
C. phản ứng xà phòng hóa D. phản ứng không thuận nghịch

Câu 30: Tơ thuộc loại tơ poliarnit là
A. tơ polieste B. tơ axetat C. tơ visco D. tơ nylon -6

----- HẾT -----

Câu 1: Khí cacbonic chiếm 0,03% thể tích không khí. Muốn tạo ra 500 gam tinh bột thì thể tích không khí (lít) (đktc) cần dùng để cung cấp CO_2 cho phản ứng quang hợp gần với giá trị nào nhất?

- A. 1402666 B. 1682716 C. 1382716 D. 1682600

Câu 2: Xà phòng hoá 7,4g este $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ bằng dung dịch NaOH. Khối lượng muối thu được là:

- A. 8,0g. B. 32,0g. C. 16,0g. D. 8,2 g.

Câu 3: Este A có CTPT là $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. Số CTCT (đồng phân) của este là:

- A. 1 B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 4: Đốt cháy hoàn toàn một đồng đẳng (X) của glyxin trong O_2 (dư) thu được $n\text{CO}_2 : n\text{H}_2\text{O}$ là 6:7 (phản ứng cháy sinh ra khí N_2). X tạo được với glyxin một dipeptit. Công thức cấu tạo của X là

- A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{-NH}_2$
B. $\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$
C. $\text{CH}_3\text{-CH(NH}_2\text{)COOH}$ hoặc $\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$
D. $\text{CH}_3\text{-CH(NH}_2\text{)COOH}$

Câu 5: X có công thức phân tử là $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$, khi cho 4,4 gam X tác dụng vừa đủ với dd NaOH thu được 4,1 gam muối Y. X có công thức cấu tạo:

- A. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$. B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{CH}_3$ C. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}_3$. D. HCOOC_3H_7

Câu 6: Đốt cháy hoàn toàn 0,01 mol một chất hữu cơ X thu được 5,28 gam CO_2 và 1,98 gam H_2O . Biết rằng, tỉ lệ khối lượng H và O trong X là 0,125: 1,000. X là cacbohidrat và không có phản ứng tráng bạc. Tên gọi của X là

- A. glucozo B. mantozo C. tinh bột D. saccarozo

Câu 7: Poli(vinyl clorua) được điều chế từ vinyl clorua bằng phản ứng

- A. trao đổi B. oxi hóa – khử C. trùng hợp D. trùng ngưng

Câu 8: Glucozo không có tính chất nào dưới đây?

- A. tham gia phản ứng thủy phân B. tác dụng với H_2 (xt: Ni, t°)
C. tính chất của polioli D. tác dụng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$, t°

Câu 9: Tơ nilon- 6,6 được tạo ra từ polime :

- A. Polieste của axit adipic và etylen glicol
B. Poli(hexametylen adipamit)
C. Hexacloxiclohexan
D. Policaproamit

Câu 10: Một chất khi thủy phân trong môi trường axit, đun nóng không tạo ra glucozo. Chất đó là

- A. saccarozo B. tinh bột C. xenlulozo D. protein

Câu 11: Đặc điểm của phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là

- A. phản ứng cho nhận electron B. phản ứng thuận nghịch
C. phản ứng xà phòng hóa D. phản ứng không thuận nghịch

Câu 12: Protein phản ứng với $\text{Cu(OH)}_2/\text{OH}^-$ tạo sản phẩm có màu đặc trưng là

- A. màu vàng
B. màu đỏ
C. màu tím
D. màu da cam

Câu 13: Sản phẩm thủy phân este no đơn chức, mạch hở trong dung dịch kiềm là hỗn hợp

- A. ancol và axit. B. muối và nước. C. ancol và muối D. axit và nước.

Câu 14: Lực bazơ của các chất được sắp xếp theo chiều giảm dần là:

- A. $\text{NaOH} > \text{CH}_3\text{NH}_2 > \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2 > \text{NH}_3$ B. $\text{NaOH} > \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2 > \text{NH}_3 > \text{CH}_3\text{NH}_2$.
C. $\text{NaOH} > \text{CH}_3\text{NH}_2 > \text{NH}_3 > \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. D. $\text{NaOH} > \text{NH}_3 > \text{CH}_3\text{NH}_2 > \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$

Câu 15: Dãy nào gồm các chất tác dụng được với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ ($[\text{Ag(NH}_3)_2]\text{OH}$)

- A. glucozo, tinh bột, andehit axetic, saccarozo B. andehit axetic, glucozo, etyl axetat, fuctozo

- C. axetilen, andehit axetic, glucozơ, fuctozơ D. glucozơ, xenlulozơ, etyl axetat, andehit axetic
- Câu 16:** Số đồng phân bậc hai ứng với công thức phân tử C_3H_9N
 A. 3 B. 4 C. 2 D. 1
- Câu 17:** Dãy gồm các chất và vật liệu dễ bị thủy phân trong dung dịch axit hoặc dung dịch kiềm là
 A. len, tơ tằm, tơ nylon-6,6 B. polietilen, polistiren, poli(metyl metacrylat)
 C. tefol, len, polietilen D. cao su banya, cao su isopren, cao su thiên nhiên
- Câu 18:** Khối lượng trung bình của xenlulozơ trong sợi bông là 4.860.000u. Số gốc glucozơ có trong loại xenlulozơ nêu trên là
 A. 25.000 B. 28.000 C. 35.000 D. 30.000
- Câu 19:** Trong công nghiệp để chuyển hóa chất béo lỏng (dầu) thành mỡ rắn thuận tiện cho việc vận chuyển hoặc thành bơ nhân tạo và để sản xuất xà phòng ta dùng phản ứng:
 A. Phản ứng oxi – hóa khử
 B. Phản ứng cộng hiđro của chất béo lỏng
 C. Phản ứng xà phòng hóa
 D. Phản ứng thủy phân
- Câu 20:** Dãy chất nào sau đây đều tác dụng với dung dịch HCl (các điều kiện phản ứng đầy đủ)
 A. C_2H_5OH , NH_3 , $C_6H_5NH_2$, NH_2CH_2COOH
 B. C_2H_5OH , NH_3 , CH_3COOH , NH_2CH_2COOH , glucozơ
 C. C_2H_5OH , NH_3 , $C_6H_5NH_2$, NH_2CH_2COOH , glucozơ
 D. C_2H_5OH , NH_3 , $NaOH$, NH_2CH_2COOH , glucozơ
- Câu 21:** Cho dãy các chất sau: CH_3COOCH_3 , C_2H_5OH , H_2NCH_2COOH , CH_3NH_2 . Số chất trong dãy phản ứng với dung dịch NaOH là:
 A. 4 B. 1 C. 3 D. 2
- Câu 22:** Thủy phân 486 gam tinh bột với hiệu suất 80%, khối lượng glucozơ thu được là
 A. 540 gam B. 432 gam C. 360 gam D. 540 gam
- Câu 23:** Số đồng phân α -aminoaxit một ứng với công thức phân tử $C_4H_9O_2N$ là
 A. 2 B. 3 C. 4 D. 6
- Câu 24:** Tơ thuộc loại tơ poliamit là
 A. tơ axetat B. tơ nylon -6 C. tơ visco D. tơ polieste
- Câu 25:** Thuốc thử dùng để phân biệt Gly-Ala-Gly và Gly-Ala là:
 A. dung dịch NaCl B. dung dịch NaOH
 C. dung dịch HCl D. $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm
- Câu 26:** Dãy chất thuộc loại polime thiên nhiên là
 A. nylon 6,6, tơ tằm, polistiren . B. tinh bột, xenlulozơ, tơ tằm .
 C. nylon 6, poli etylen, xenlulozơ. D. Tơ nitron, poli axetat, tinh bột
- Câu 27:** tinh bột và saccarozơ đều không thuộc loại:
 A. đisaccarit. B. monosaccarit. C. polisaccarit. D. cacbohydrat
- Câu 28:** Để phản ứng hoàn toàn với dung dịch chứa 3,75 gam glyxin cần vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của V là
 A. 100 B. 200 C. 150 D. 50
- Câu 29:** Da nhân tạo (PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên (CH_4). Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC cần một thể tích metan (đktc) là
 A. 3584 m^3 B. 3560 m^3 C. 3500 m^3 D. 5500 m^3
- Câu 30:** Cho m gam glucozơ lên men thành ancol etylic với hiệu suất 80%. Hấp thụ hoàn toàn khí CO_2 sinh ra vào nước vôi trong dư thu được 22 gam kết tủa. Giá trị của m là
 A. 49,50 B. 24,75 C. 25,74 D. 27,45

----- HẾT -----

MÃ ĐỀ: 357

- Câu 1:** Dãy nào gồm các chất tác dụng được với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ ($[\text{Ag}(\text{NH}_3)_2]\text{OH}$)
- A. glucozơ, xenlulozơ, etyl axetat, andehit axetic B. andehit axetic, glucozơ, etyl axetat, fuctozơ
C. glucozơ, tinh bột, andehit axetic, saccarozơ D. axetlilen, andehit axetic, glucozơ, fuctozơ
- Câu 2:** Glucozơ không có tính chất nào dưới đây?
- A. tham gia phản ứng thủy phân B. tác dụng với H_2 (xt: Ni, t°)
C. tính chất của polioli D. tác dụng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$, t°
- Câu 3:** Sản phẩm thủy phân este no đơn chức, mạch hở trong dung dịch kiềm là hỗn hợp
- A. ancol và axit. B. muối và nước. C. ancol và muối D. axit và nước.
- Câu 4:** Một chất khi thủy phân trong môi trường axit, đun nóng không tạo ra glucozơ. Chất đó là
- A. saccarozơ B. tinh bột C. protein D. xenlulozơ
- Câu 5:** Tơ thuộc loại tơ poliamit là
- A. tơ axetat B. tơ nilon -6 C. tơ visco D. tơ polieste
- Câu 6:** Đốt cháy hoàn toàn một đồng đẳng (X) của glyxin trong O_2 (dư) thu được $n\text{CO}_2 : n\text{H}_2\text{O}$ là 6:7 (phản ứng cháy sinh ra khí N_2). X tạo được với glyxin một dipeptit. Công thức cấu tạo của X là
- A. $\text{CH}_3\text{-CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$
B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{-NH}_2$
C. $\text{CH}_3\text{-CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$ hoặc $\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$
D. $\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$
- Câu 7:** Este A có CTPT là $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. Số CTCT (đồng phân) của este là:
- A. 2. B. 1 C. 3. D. 4.
- Câu 8:** Tơ nilon- 6,6 được tạo ra từ polime :
- A. Polieste của axit adipic và etylen glicol
B. Poli(hexametylen adipamit)
C. Hexacloxiclohexan
D. Policaproamit
- Câu 9:** Thủy phân 486 gam tinh bột với hiệu suất 80%, khối lượng glucozơ thu được là
- A. 432 gam B. 360 gam C. 540 gam D. 540 gam
- Câu 10:** Đặc điểm của phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là
- A. phản ứng cho nhận electron B. phản ứng thuận nghịch
C. phản ứng xà phòng hóa D. phản ứng không thuận nghịch
- Câu 11:** Đốt cháy hoàn toàn 0,01 mol một chất hữu cơ X thu được 5,28 gam CO_2 và 1,98 gam H_2O . Biết rằng, tỉ lệ khối lượng H và O trong X là 0,125: 1,000. X là cacbohidrat và không có phản ứng tráng bạc. Tên gọi của X là
- A. glucozơ B. mantozơ C. tinh bột D. saccarozơ
- Câu 12:** Cho dãy các chất sau: $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$, CH_3NH_2 . Số chất trong dãy phản ứng với dung dịch NaOH là:
- A. 4 B. 1 C. 3 D. 2
- Câu 13:** Để phản ứng hoàn toàn với dung dịch chứa 3,75 gam glyxin cần vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của V là
- A. 100 B. 200 C. 150 D. 50
- Câu 14:** Dãy chất nào sau đây đều tác dụng với dung dịch HCl (các điều kiện phản ứng đầy đủ)
- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, NH_3 , NaOH, $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$, glucozơ
B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, NH_3 , CH_3COOH , $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$, glucozơ
C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$
D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$, glucozơ

- Câu 15:** Số đồng phân bậc hai ứng với công thức phân tử C_3H_9N
 A. 3 B. 4 C. 2 D. 1
- Câu 16:** Protein phản ứng với $Cu(OH)_2/OH^-$ tạo sản phẩm có màu đặc trưng là
 A. màu tím B. màu da cam C. màu đỏ D. màu vàng
- Câu 17:** Lực bazơ của các chất được sắp xếp theo chiều giảm dần là:
 A. $NaOH > NH_3 > CH_3NH_2 > C_6H_5NH_2$ B. $NaOH > CH_3NH_2 > NH_3 > C_6H_5NH_2$.
 C. $NaOH > CH_3NH_2 > C_6H_5NH_2 > NH_3$ D. $NaOH > C_6H_5NH_2 > NH_3 > CH_3NH_2$.
- Câu 18:** Trong công nghiệp để chuyển hóa chất béo lỏng (dầu) thành mỡ rắn thuận tiện cho việc vận chuyển hoặc thành bơ nhân tạo và để sản xuất xà phòng ta dùng phản ứng:
 A. Phản ứng oxi – hóa khử
 B. Phản ứng cộng hiđro của chất béo lỏng
 C. Phản ứng xà phòng hóa
 D. Phản ứng thủy phân
- Câu 19:** Khí cacbonic chiếm 0,03% thể tích không khí. Muốn tạo ra 500 gam tinh bột thì thể tích không khí (lít) (đktc) cần dùng để cung cấp CO_2 cho phản ứng quang hợp gần với giá trị nào nhất?
 A. 1402666 B. 1682716 C. 1682600 D. 1382716
- Câu 20:** tinh bột và saccarozơ đều không thuộc loại:
 A. đisaccarit. B. cacbohydrat C. monosaccarit. D. polisaccarit.
- Câu 21:** Poli(vinyl clorua) được điều chế từ vinyl clorua bằng phản ứng
 A. trùng hợp B. oxi hóa – khử C. trao đổi D. trùng ngưng
- Câu 22:** Số đồng phân α -aminoaxit một ứng với công thức phân tử $C_4H_9O_2N$ là
 A. 2 B. 3 C. 4 D. 6
- Câu 23:** X có công thức phân tử là $C_4H_8O_2$, khi cho 4,4 gam X tác dụng vừa đủ với dd NaOH thu được 4,1 gam muối Y. X có công thức cấu tạo:
 A. $CH_3CH_2CH_2COOH$. B. $CH_3COOCH_2CH_3$ C. $CH_3CH_2COOCH_3$. D. $HCOOC_3H_7$
- Câu 24:** Thuốc thử dùng để phân biệt Gly-Ala-Gly và Gly-Ala là:
 A. dung dịch NaCl B. dung dịch NaOH
 C. dung dịch HCl D. $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm
- Câu 25:** Dãy chất thuộc loại polime thiên nhiên là
 A. nilon 6,6, tơ tằm, polistiren . B. Tơ nitron, poli axetat, tinh bột
 C. nilon 6, poli etylen, xenlulozơ. D. tinh bột, xenlulozơ, tơ tằm .
- Câu 26:** Xà phòng hoá 7,4g este CH_3COOCH_3 bằng dung dịch NaOH. Khối lượng muối thu được là:
 A. 16,0g. B. 32,0g. C. 8,2 g. D. 8,0g.
- Câu 27:** Khối lượng trung bình của xenlulozơ trong sợi bông là 4.860.000u. Số gốc glucozơ có trong loại xenlulozơ nêu trên là
 A. 35.000 B. 28.000 C. 30.000 D. 25.000
- Câu 28:** Da nhân tạo (PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên (CH_4). Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC cần một thể tích metan (đktc) là
 A. 3584 m³ B. 3560 m³ C. 3500 m³ D. 5500 m³
- Câu 29:** Cho m gam glucozơ lên men thành ancol etylic với hiệu suất 80%. Hấp thụ hoàn toàn khí CO_2 sinh ra vào nước vôi trong dư thu được 22 gam kết tủa. Giá trị của m là
 A. 25,74 B. 27,45 C. 24,75 D. 49,50
- Câu 30:** Dãy gồm các chất và vật liệu dễ bị thủy phân trong dung dịch axit hoặc dung dịch kiềm là
 A. cao su buna, cao su isopren, cao su thiên nhiên B. len, tơ tằm, tơ nilon-6,6
 C. tefol, len, polietilen D. polietilen, polistiren, poli(metyl metacrylat)

----- HẾT -----

Câu 1: Khí cacbonic chiếm 0,03% thể tích không khí. Muốn tạo ra 500 gam tinh bột thì thể tích không khí (lít) (đktc) cần dùng để cung cấp CO_2 cho phản ứng quang hợp gần với giá trị nào nhất?

- A. 1382716 B. 1402666 C. 1682600 D. 1682716

Câu 2: Đốt cháy hoàn toàn một đồng đẳng (X) của glyxin trong O_2 (dư) thu được $n\text{CO}_2 : n\text{H}_2\text{O}$ là 6:7 (phản ứng cháy sinh ra khí N_2). X tạo được với glyxin một dipeptit. Công thức cấu tạo của X là

- A. $\text{CH}_3\text{-CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$
B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{-NH}_2$
C. $\text{CH}_3\text{-CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$ hoặc $\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$
D. $\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$

Câu 3: Thuốc thử dùng để phân biệt Gly-Ala-Gly và Gly-Ala là:

- A. dung dịch NaCl B. dung dịch NaOH
C. dung dịch HCl D. $\text{Cu}(\text{OH})_2$ trong môi trường kiềm

Câu 4: Glucozơ không có tính chất nào dưới đây?

- A. tính chất của polioliol B. tác dụng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$, t°
C. tác dụng với H_2 (xt: Ni, t°) D. tham gia phản ứng thủy phân

Câu 5: tinh bột và saccarozơ đều không thuộc loại:

- A. đisaccarit. B. cacbohydrat C. monosaccarit. D. polisaccarit.

Câu 6: Poli(vinyl clorua) được điều chế từ vinyl clorua bằng phản ứng

- A. trùng hợp B. oxi hóa – khử C. trao đổi D. trùng ngưng

Câu 7: Tơ nilon- 6,6 được tạo ra từ polime :

- A. Polieste của axit adipic và etylen glicol
B. Poli(hexametylen adipamit)
C. Hexacloxiclohexan
D. Policaproamit

Câu 8: Thủy phân 486 gam tinh bột với hiệu suất 80%, khối lượng glucozơ thu được là

- A. 432 gam B. 360 gam C. 540 gam D. 540 gam

Câu 9: Lực bazơ của các chất được sắp xếp theo chiều giảm dần là:

- A. $\text{NaOH} > \text{NH}_3 > \text{CH}_3\text{NH}_2 > \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ B. $\text{NaOH} > \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2 > \text{NH}_3 > \text{CH}_3\text{NH}_2$.
C. $\text{NaOH} > \text{CH}_3\text{NH}_2 > \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2 > \text{NH}_3$ D. $\text{NaOH} > \text{CH}_3\text{NH}_2 > \text{NH}_3 > \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$.

Câu 10: Một chất khi thủy phân trong môi trường axit, đun nóng không tạo ra glucozơ. Chất đó là

- A. xenlulozơ B. saccarozơ C. tinh bột D. protein

Câu 11: Xà phòng hoá 7,4g este $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ bằng dung dịch NaOH. Khối lượng muối thu được là:

- A. 16,0g. B. 32,0g. C. 8,2 g. D. 8,0g.

Câu 12: Đốt cháy hoàn toàn 0,01 mol một chất hữu cơ X thu được 5,28 gam CO_2 và 1,98 gam H_2O . Biết rằng, tỉ lệ khối lượng H và O trong X là 0,125: 1,000. X là cacbohydrat và không có phản ứng tráng bạc. Tên gọi của X là

- A. glucozơ B. mantozơ C. tinh bột D. saccarozơ

Câu 13: Cho dãy các chất sau: $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$, CH_3NH_2 . Số chất trong dãy phản ứng với dung dịch NaOH là:

- A. 1 B. 4 C. 2 D. 3

Câu 14: Số đồng phân bậc hai ứng với công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 1

Câu 15: Da nhân tạo (PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên (CH_4). Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC cần một thể tích metan (đktc) là

- A. 3584 m^3 B. 3560 m^3 C. 3500 m^3 D. 5500 m^3

- Câu 16:** Cho m gam glucozơ lên men thành ancol etylic với hiệu suất 80%. Hấp thụ hoàn toàn khí CO_2 sinh ra vào nước vôi trong dư thu được 22 gam kết tủa. Giá trị của m là
A. 25,74 **B.** 27,45 **C.** 24,75 **D.** 49,50
- Câu 17:** Trong công nghiệp để chuyển hóa chất béo lỏng (dầu) thành mỡ rắn thuận tiện cho việc vận chuyển hoặc thành bơ nhân tạo và để sản xuất xà phòng ta dùng phản ứng:
A. Phản ứng oxi – hóa khử **B.** Phản ứng cộng hiđro của chất béo lỏng
C. Phản ứng xà phòng hóa **D.** Phản ứng thủy phân
- Câu 18:** Số đồng phân α -aminoaxit một ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_9\text{O}_2\text{N}$ là
A. 4 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 6
- Câu 19:** X có công thức phân tử là $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$, khi cho 4,4 gam X tác dụng vừa đủ với dd NaOH thu được 4,1 gam muối Y. X có công thức cấu tạo:
A. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$. **B.** $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}_3$. **C.** $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{CH}_3$ **D.** HCOOC_3H_7
- Câu 20:** Este A có CTPT là $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. Số CTCT (đồng phân) của este là:
A. 1 **B.** 2. **C.** 4. **D.** 3.
- Câu 21:** Đặc điểm của phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là
A. phản ứng xà phòng hóa **B.** phản ứng cho nhận electron
C. phản ứng không thuận nghịch **D.** phản ứng thuận nghịch
- Câu 22:** Khối lượng trung bình của xenlulozơ trong sợi bông là 4.860.000u. Số gốc glucozơ có trong loại xenlulozơ nêu trên là
A. 25.000 **B.** 35.000 **C.** 30.000 **D.** 28.000
- Câu 23:** Dãy gồm các chất và vật liệu dễ bị thủy phân trong dung dịch axit hoặc dung dịch kiềm là
A. cao su buna, cao su isopren, cao su thiên nhiên **B.** len, tơ tằm, tơ nilon-6,6
C. tefol, len, polietilen **D.** polietilen, polistiren, poli(metyl metacrylat)
- Câu 24:** Dãy chất thuộc loại polime thiên nhiên là
A. nilon 6,6 ,tơ tằm, polistiren . **B.** Tơ nitron, poli axetat, tinh bột
C. nilon 6, poli etylen, xenlulozơ. **D.** tinh bột, xenlulozơ, tơ tằm .
- Câu 25:** Protein phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$ tạo sản phẩm có màu đặc trưng là
A. màu tím **B.** màu da cam **C.** màu đỏ **D.** màu vàng
- Câu 26:** Sản phẩm thủy phân este no đơn chức, mạch hở trong dung dịch kiềm là hỗn hợp
A. ancol và axit. **B.** muối và nước. **C.** axit và nước. **D.** ancol và muối
- Câu 27:** Dãy nào gồm các chất tác dụng được với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ ($[\text{Ag}(\text{NH}_3)_2]\text{OH}$)
A. glucozơ, tinh bột, andehit axetic, saccarozơ **B.** andehit axetic, glucozơ, etyl axetat, fuctozơ
C. axetililen, andehit axetic, glucozơ, fuctozơ **D.** glucozơ, xenlulozơ, etyl axetat, andehit axetic
- Câu 28:** Dãy chất nào sau đây đều tác dụng với dung dịch HCl (các điều kiện phản ứng đầy đủ)
A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$, glucozơ
B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, NH_3 , CH_3COOH , $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$, glucozơ
C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, NH_3 , NaOH, $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$, glucozơ
D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$
- Câu 29:** Tơ thuộc loại tơ poliamit là
A. tơ visco. **B.** tơ nilon -6. **C.** tơ axetat. **D.** tơ polieste.
- Câu 30:** Để phản ứng hoàn toàn với dung dịch chứa 3,75 gam glyxin cần vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của V là
A. 150 **B.** 50 **C.** 200 **D.** 100

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN HÓA 12

CÂU	132	209	357	485
1	A	C	D	A
2	C	D	A	A
3	B	D	C	D
4	D	D	C	D
5	D	B	B	B
6	B	D	A	A
7	D	C	D	B
8	C	A	B	A
9	D	B	A	D
10	B	D	C	D
11	A	C	D	C
12	D	C	D	D
13	D	C	D	C
14	B	C	C	D
15	C	C	D	A
16	C	D	A	C
17	C	A	B	B
18	A	D	B	B
19	D	B	D	C
20	B	A	B	C
21	A	D	A	A
22	A	B	A	C
23	B	A	B	B
24	A	B	D	D
25	D	D	D	A
26	C	B	C	D
27	A	D	C	C
28	B	D	A	D
29	C	A	C	B
30	D	B	B	B



Trên đây chỉ là phần trích dẫn 10 trang đầu của tài liệu và có thể hiển thị lỗi font, bạn muốn xem đầy đủ tài liệu gốc thì ấn vào nút Tải về phía dưới.

